

LUYỆN TẬP VỀ TỪ HÁN VIỆT

I – BÀI TẬP

1. Đọc ví dụ sau đây và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới :

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại.*

(Xuân Diệu – *Vội vàng*)

a) Chỉ ra nghĩa của tiếng *tuần*, tiếng *hoàn* và của từ *tuần hoàn* được dùng trong ví dụ trên.

b) Phân biệt nghĩa của các tiếng *tuần* trong *tuần tự*, *tứ tuần*, *thượng tuần*, *tuần phòng*, *tuần phủ*, *tuần tiễu*.

c) Phân biệt nghĩa của các tiếng *hoàn* trong *hoàn bị*, *hoàn cầu*, *hoàn cảnh*, *hoàn hảo*, *hoàn hồn*, (*hồ*) *Hoàn Kiếm*, *hoàn mỹ*, *hoàn sinh*, *hoàn tất*.

2. Đọc ví dụ sau đây và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới :

*Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian.*

(Xuân Diệu – *Vội vàng*)

a) Chỉ ra nghĩa của tiếng *nhân*, tiếng *gian* và của từ *nhân gian* được dùng trong ví dụ trên.

b) Chỉ ra nghĩa của các tiếng *nhân* trong những từ Hán Việt sau đây : *hôn nhân*, *nhân bản*, *nhân ái*, *nhân cách*, *nhân đức*, *nhân chủng*, *nhân chứng*, *nhân công*, *nhân danh*, *nhân duyên*, *nhân đạo*, *nhân hậu*, *nhân khẩu*, *nhân loại*, *nhân phẩm*, *nhân quả*, *nhân quyền*, *nhân sinh*, *nhân tài*, *nhân tố*, *nhân văn*, *nguyên nhân*.

c) Chỉ ra nghĩa của các tiếng *gian* trong những từ Hán Việt sau đây : *gian xảo*, *gian hiểm*, *gian hùng*, *gian lận*, *gian nan*, *gian nguy*, *gian tặc*, *gian trá*, *gian truân*, *gian xảo*, *dân gian*, *không gian*, *thế gian*, *thời gian*, *trần gian*, *trung gian*.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. a) Ở ví dụ này, *tuần* có nghĩa là "tuần theo", *hoàn* là "cái vòng" ; *tuần hoàn* là "lặp lại sau khoảng thời gian bằng nhau".

b) Trong *tuần tự*, *tuần* có nghĩa là "tuần theo", nên *tuần tự* là "theo một trình tự nhất định, lần lượt trước sau" ; trong *tứ tuần*, *tuần* là mười năm, nên *tứ tuần* là "bốn mươi tuổi" ; trong *thượng tuần*, *tuần* là "mười ngày", nên *thượng tuần* là "mười ngày đầu của tháng". Còn trong những từ còn lại, *tuần* là "qua lại để xem xét", nên *tuần phòng* là "đi xem xét để phòng bất trắc", *tuần phủ* là "quan đứng đầu một tỉnh nhỏ", *tuần tiễu* là "đi xem xét để phát hiện địch nếu có, để giữ gìn an ninh".

Trong *hoàn bị*, *hoàn hảo*, *hoàn mỹ*, *hoàn tất*, *hoàn* là "trọn vẹn, đầy đủ", nên *hoàn bị* là "đầy đủ mọi mặt" ; *hoàn hảo* là "tốt hoàn toàn" ; *hoàn mỹ* là "đẹp đến mức hoàn toàn" ; *hoàn tất* là "xong hoàn toàn". Trong *hoàn cảnh*, *hoàn cầu*, *hoàn* là "vây quanh ; khắp cả", nên *hoàn cảnh* là "tất cả những nhân tố bên ngoài có tác động đến con người, đến sự việc" ; *hoàn cầu* là "toàn thế giới". Trong *hoàn hồn*, *Hoàn Kiếm*, *hoàn sinh*, *hoàn* là "trở về, trả lại", nên *hoàn hồn* là "trấn tĩnh lại" ; *Hoàn Kiếm* là "trả gươm" ; *hoàn sinh* là "sống lại".

2. a) Ở ví dụ này, *nhân* có nghĩa là "người", *gian* là "khoảng giữa" ; như thế *nhân gian* là "cõi đời".

b) Có thể chia làm mấy nhóm sau :

– "người" : *nhân bản*, *nhân cách*, *nhân chủng*, *nhân chứng*, *nhân công*, *nhân danh*₁ ("tên người"), *nhân đạo*, *nhân khẩu*, *nhân loại*, *nhân phẩm*, *nhân quyền*, *nhân sinh*, *nhân tài*, *nhân văn*.

– "lòng thương yêu" : *nhân ái*, *nhân đức*, *nhân hậu*.

– "căn do ; noi theo" : *nhân duyên*₁ ("nguyên nhân có từ kiếp trước tạo ra kết quả ở kiếp sau (theo quan niệm của đạo Phật)"), *nguyên nhân*, *nhân quả*, *nhân tố* ; *nhân danh*₂ ("lấy danh nghĩa (để làm một việc gì)").

– "việc lấy vợ lấy chồng" : *hôn nhân*, *nhân duyên*₂ ("duyên vợ chồng").

c) Có thể chia làm mấy nhóm sau :

– "khoảng giữa" : *dân gian*, *không gian*, *thế gian*, *thời gian*, *trần gian*, *trung gian*.

– "đối trá" : *gian xảo*, *gian hiểm*, *gian hùng*, *gian lận*, *gian tặc*, *gian trá*, *gian xảo*.

– "khó khăn" : *gian truân*, *gian nan*, *gian nguy*.